

[porno](#) [porn](#)

Trong điều kiện hiện nay nền hành chính kinh tế thị trường có sự chuyển lý của Nhà nước, hệ thống kế toán được thiết lập với mục đích cung cấp thông tin tài chính chung nhất, phục vụ lợi ích của các chủ thể sổ đỏ ng thông tin khác nhau. Trong đó, mục đích cung cấp thông tin tài chính với nghĩa vụ thu của DN đối với NSNN là một trọng tâm, nhưng không phải là mục đích duy nhất. Sự đổi mới lập trường để giải các quy định của chính sách thuế nói chung và chính sách thuế TNDN nói riêng với các quy định của chu kỳ mới và chế độ kế toán, dẫn đến khi sổ đỏ ng thông tin kế toán cho mục đích kê khai và quy t toán thu của nó có quá trình phân tích và điều chỉnh cho phù hợp.



Thông thường, vi phạm sổ đỏ ng thông tin kế toán khi quy t toán thu TNDN được thể hiện qua 4 bước cơ bản:

(1) Căn cứ vào báo cáo kết quả kinh doanh của DN để lập chủ tiêu "Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN" - Mã số A1 trên tờ khai quy t toán thu TNDN năm.

(2) Căn cứ vào các số kế toán tổng hợp và chi tiết về doanh thu, thu nhập và các khoản chi phí thuộc các khoản mục chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, nhân công trực tiếp, sản xuất chung và chi phí bán hàng, quản lý DN, chi phí tài chính, chi phí khác để nhận diện các khoản thu nhập, chi phí có sự khác biệt về quy định ghi nhận giữa chu kỳ mới, chế độ kế toán và chính sách thuế.

(3) Lập các bảng kê phân tích, so sánh và xác định các khoản chênh lệch để với khoản doanh thu, thu nhập và chi phí có sự khác biệt giữa ghi nhận và chi phí có sự khác biệt giữa ghi nhận của kế toán với chính sách thuế.

(4) Sổ đỏ ng thông tin trên các bảng kê phân tích so sánh doanh thu, chi phí để lập các chủ tiêu

điềuchính củatổ khai thuế quyế toán thuế TNDN và xácđịnhthu nhậpchế thuế TNDN. (Các chếtiêu có mã số : B2 - B6 và B8 - B11 trên thuế khai quyế toán thuế TNDN năm)

Vớ nguyên tắ, khi sở dăng thông tin kế toán đố kê khai thuế TNDN có nhữu phầu ng pháp thắ c hữ n khác nhau, trên củ sở hữ u và vớ n dăng mớ i quan hế giớ a chuộ n mớ c kế toán, chế đố kế toán vớ i chính sách thuế TNDN hữ n hành.

Tuy nhiên, trên thắ c thuế , việcsở dăng thông tin kế toán trong kê khai, quyế toán thuế TNDN vớ n còn nhữu hữ n chế , có thể khái quát theo bớ n dăng nhữ sau:

Mớ t, Nhữ u DN không chế đố ng bóc tách các khoộ n chi phí củ a có các chế ng thuế kế toán hữ p pháp, hữ p lậ chế ng minh. Mớ t sở khoộ n chi phí mà các DN thắ ng chế m thuế hữ p chế ng thuế hoặ c chế ng thuế không đố y đố nhữ : Chi phí vớ n chuộ n, ăn ca, tiể khách, khuộ n mớ i... Theo quy đố nh hữ n hành, các chi phí mà DN củ a có đố y đố chế ng thuế chế ng minh, củ n phớ i đố c bóc tách đố khai điềuchính tăng lậ nhuộ n chế u thuế .

Hai, các DN củ a quan tâm xây đố ng các đố nh mớ c sở n xuộ t kinh doanh chế yộ u liên quan đố n sở dăng vớ t thuế , nhiên liộ u. Do vớ y DN không hữ ch toán riêng đố c các chi phí vớ t thuế , nhiên liộ u, năng lậ ng vớ t đố nh mớ c, đố n đố n các chi phí này không đố c bóc tách và điềuchính trên thuế khai quyế toán thuế TNDN.

Ba, đố i vớ i các chi phí, theo Luậ t Thuế TNDN đố c khữ u thuế khi tính thuế mớ t cách hữ n chế nhữ : chi phí trang phắ c củ a ngườ i lao đố ng, chi phí khữ u hao củ a xe ô tô đố i 9 chế củ a các DN không kinh doanh vớ n thuế , du lậ ch, khách sở n, chi phí lãi vay củ a cá nhậ n, chi phí quố ng cáo, khuộ n mớ i, chiế t khữ u thanh toán... DN không mớ các sở chi tiể t theo đố i riêng, nên khi kê khai, quyế toán thuế rắ t khó khắ n trong việcsố tách các khoộ n chi phí vớ t mớ c đố c thuế khi kê khai thuế TNDN.

Bớ n, đố i vớ i các khoộ n doanh thu không chế u thuế TNDN và các khoộ n doanh thu, thu nhậ p khác đố c kê khai tính thuế thuế TNDN cũng nhữ các chi phí thuế ng thuế , hữ u hữ t các DN không mớ các sở chi tiể t đố theo đố i riêng. Vì vớ y khi kê khai, quyế toán thuế TNDN rắ t khó xác đố nh và bóc tách các khoộ n này đố tính đố ng thu nhậ p chế u thuế . Ngoài ra, còn mớ t sở thuế ng hữ p kế toán ghi nhữ n các khoộ n đố phòng nhữ ng không kê khai điềuchính đố i vớ i các thuế ng hữ p không có đố căn cứ theo quy đố nh chung, cũng nhữ hữ ng đố n sở liộ u quyế toán thuế .

Nguyên nhân dẫn đến việc áp dụng không đúng nhất, trình bày là do người làm kế toán DN chưa nhận thức đúng về mối liên hệ quan hệ giữa chu kỳ tính thuế, chế độ kế toán và chính sách thu TNDN. Trong thực tế kinh doanh, việc sử dụng hóa đơn, chứng từ kế toán giữa các DN còn tình trạng chậm phát hành hóa đơn trong mua bán hàng hóa, dịch vụ gây ra nhiều khó khăn trong việc tiếp hợp chứng từ kế toán. Đối với các DN nhỏ và vừa, việc thường xuyên thay đổi nhân viên kế toán cũng dẫn đến quá trình tiếp hợp sổ liên lạc, chứng từ kế toán để kê khai thuế gặp nhiều khó khăn. Tâm lý chưa sẵn sàng sử dụng các dịch vụ chuyên nghiệp về kế toán và kê khai thuế của các DN cũng dẫn đến việc kê khai quy t toán thu còn chậm và nhiều sai sót. Một nguyên nhân khác là do chính sách thu TNDN hiện hành mặc dù đã được sửa đổi, bổ sung nhiều lần theo hướng dẫn của pháp luật, nhưng áp dụng, song vẫn còn nhiều vướng mắc khác biệt không cần thiết với hệ thống chu kỳ tính thuế và chế độ kế toán. Đặc biệt, còn tồn tại nhiều khoản chi phí không được trừ do bị giới hạn bởi luật thuế như chi phí khấu hao, chi phí lãi vay, chi phí quảng cáo khuyến mại, hội nghị, tiếp khách...

Số khác biệt giữa chu kỳ tính thuế kế toán và chính sách thu TNDN là một yếu tố khách quan, không chỉ ở Việt Nam hiện nay, mà ở hầu hết các nước trên hành tinh theo cơ chế thuế trình bày. Do vậy, Nhà nước cần thay đổi nhận thức về mặt pháp lý loại hình kế toán thuế (kế toán phục vụ mục đích tính thuế) với hệ thống sổ kế toán riêng, nhằm tiếp hợp thông tin kê khai thuế phù hợp và thuận lợi. Bên cạnh đó, chính sách thu TNDN cần tiếp tục được hoàn thiện trên tinh thần đơn giản hóa, tiến tới loại bỏ các quy định ghi nhận các khoản chi phí được trừ. Với việc tăng cường công tác quản lý thuế, việc loại bỏ các giới hạn về chi phí được trừ sẽ không làm giảm nguồn thu của thuế (điểm khác).

Đối với các DN, việc hiểu đúng mối quan hệ giữa sổ liên lạc kế toán và sổ liên lạc kê khai, tính thuế TNDN là một cần thiết, từ đó chấp nhận một thực tế khách quan là, sổ liên lạc kế toán của DN không thể sử dụng trực tiếp cho mục đích thuế mà luôn cần có sự điều chỉnh nhằm đảm bảo phù hợp với thực tiễn phát sinh. Đối với các DN nhỏ và vừa, việc sử dụng các dịch vụ kế toán và tiếp nhận thuế chuyên nghiệp là cần thiết để nâng cao chất lượng kế toán cũng như công tác kê khai, quy t toán thuế và chi phí của doanh nghiệp.

(Nguồn: Tác Giả TS. Mai Ngọc Anh và Theo Thuế Nhà nước)